

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 93/2024/DS-PT

Ngày 10/9/2024

“*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Anh Tuấn.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Trần Văn Thương;  
2. Bà Cao Thị Thanh Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:** Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/9/2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐ-PT ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐ-PT ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Phương L; địa chỉ: 2 T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*Chị Trần Hoàng Phương D; địa chỉ: 2 T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số 2917, quyền số 01/2024.TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01/8/2024 của Văn phòng C)(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G; địa chỉ: A T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Ngọc H:* Ông Đặng Ngọc T; địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Theo văn bản ủy quyền số 3080, quyền số 09/2024.TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 04/9/2024 của Văn phòng C1)(Ông T, bà G có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Trần Hoàng Phương D; địa chỉ: 2 T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

3.2. Chị Trịnh Trần Thiện T1; địa chỉ: A T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

3.3. Ông Trần Duy X; địa chỉ: 2 H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Trần Thiện T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### *1. Nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ là hàng xóm cũ nên bà Hoàng Thị Phương L đã cho ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G vay tiền 02 lần với tổng số tiền vay là 480.000.000 đồng, cụ thể ngày 26/5/2022 âm lịch vay 300.000.000 đồng và ngày 05/11/2022 vay 180.000.000 đồng. Cả 02 lần vay đều thỏa thuận thời hạn trả nợ 01 tháng (ghi trong Giấy mượn tiền), giấy đầu tiên mượn 01 tháng chưa trả nhưng sau đó ông H, bà G vay thêm 180 triệu và thỏa thuận 01 tháng trả (cuối năm trả luôn 02 món vay). Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng không ghi trong giấy mượn tiền và cả 02 lần vay ông H, bà G là người nhận tiền mặt trực tiếp tại nhà bà L, khi nhận tiền đủ chính ông H là người viết Giấy mượn tiền và ông H, bà G cùng ký vào Giấy mượn tiền. Bà L yêu cầu ông H, bà G phải trả nợ gốc 480.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đến ngày 04/8/2023 bà L bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tính lãi 20% thời gian tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi trả nợ xong.

Việc ông H, bà G khai đã trả tiền cho bà L 468.000.000 đồng, gồm chuyển khoản cho con gái bà L tên là D 43 lần số tiền 403.000.000 đồng và chuyển khoản cho ông Trần Duy X 05 lần số tiền 65.000.000 đồng là không đúng, vì con gái ông H, bà G có vay tiền của D và ông X nếu trả nợ cho bà L thì phải ghi nội dung trả cho ai, trả tiền gốc hay lãi và trả món nợ nào, mặt khác ông X và bà L đã ly hôn ngày 24/11/2022 trước khi ly hôn 02 người đã mâu thuẫn nhiều năm nên việc làm ăn đã không liên quan đến nhau và bà L cũng không ủy quyền cho ông X nhận tiền cho bà L.

Ngoài ra, bà L còn cho Trịnh Trần Thiện T1 là con gái ông H, bà G vay số tiền 270.000.000 đồng, nhưng bà L nhờ con gái là Trần Hoàng Phương D chuyển khoản cho T1 nên có một số tin nhắn mà T1 chuyển tiền cho D có nội dung “*Mày gửi cho cô L...*”. Tuy nhiên vì là mẹ con nên bà L không có chứng cứ để chứng minh số tiền 270.000.000 đồng là tiền của bà L cho T1 vay nên bà L đã thay đổi yêu cầu đồng ý T1 đã trả thay cho ông H, bà G số tiền 50.000.000 đồng (T1 chuyển khoản cho D ngày 06/11/2022) và 10 lần T1 chuyển khoản cho D có nội dung “*Mày gửi cho cô L...*” tổng số tiền 10 lần chuyển khoản là 80.000.000 đồng. Tổng cộng 130.000.000 đồng, trong 130.000.000 đồng này có 10.000.000 đồng tiền lãi, thể hiện tại tin nhắn 06/11/2022 nên bà L chỉ đồng ý trừ vào tiền gốc

120.000.000 đồng (vì tiền lãi đã tính tiền vượt quá theo quy định để trừ vào tiền gốc).

Hai bên thỏa thuận trả lãi 3%/tháng ông H, bà G đã trả đến ngày 30/3/2024 cụ thể:

- Ngày 26/5/2022 âm lịch (là ngày 24/6/2022 dương lịch) vay 300.000.000 đồng. Bà G, ông H đã trả lãi đến 30/3/2023, cụ thể số tiền trả lãi 3%/tháng = 36%/năm, số tiền nhận là 83.700.000 đồng, nếu tính theo quy định lãi suất 20%/năm là 46.500.000 đồng. Tiền lãi vượt là 83.700.000 đồng - 46.500.000 đồng = 37.200.000 đồng.

- Ngày 05/11/2022 vay 180.000.000 đồng. Bà G, ông H đã trả lãi đến 30/3/2023, cụ thể số tiền trả lãi 3%/tháng = 36%/năm, số tiền nhận là 26.100.000 đồng, nếu tính theo quy định lãi suất 20%/năm là 14.500.000 đồng. Tiền lãi vượt là 26.100.000 đồng - 14.500.000 đồng = 11.600.000 đồng.

Tổng tiền lãi ông H, bà G trả lãi vượt so với quy định của pháp luật là: 37.200.000 đồng + 11.600.000 đồng = 48.800.000 đồng, bà L đồng ý số tiền lãi vượt này trừ vào nợ gốc cho ông H, bà G.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông H, bà G phải trả nợ cụ thể:

Về nợ gốc: yêu cầu ông H, bà G phải trả nợ gốc là 480.000.000 đồng - số tiền đã trả gốc 120.000.000 đồng = 360.000.000 đồng - 48.800.000 đồng trả lãi vượt = 311.200.000 đồng.

Về lãi suất: Bà L thay đổi yêu cầu, yêu cầu trả lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc là 311.200.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 01/04/2023 đến ngày 29/02/2024 số tiền là 28.872.444 đồng và trả lãi cho đến khi trả nợ xong.

## 2. Bị đơn trình bày:

Bà L khai không đúng sự thật. Lần vay đầu tiên 300.000.000 đồng, đây là khoản vay của con gái ông H, bà G tên là T1 vay bà L, nhận tiền bằng cách con gái bà L tên là D chuyển khoản cho T1 270.000.0000 đồng. Còn lần vay thứ 02 vay 180.000.000 đồng đây là khoản vay của T1 vay của ông Trần Duy X ; ông H, bà G chỉ ký vào 02 giấy mượn tiền chứ không nhận tiền mặt đây là số tiền vay cho con gái là T1 làm ăn. Ông H, bà G đã trả nợ cho bà L tổng cộng là 468.000.000 đồng, gồm T1 chuyển cho con gái bà L tên là D số tiền 403.000.000 đồng bằng 43 lần chuyển khoản và T1 chuyển cho ông Trần Duy X 65.000.000 đồng. Về lãi suất thì do con gái là T1 thỏa thuận nên bà G không biết. Ông H, bà G không đồng ý trả nợ như yêu cầu của bà L, đề nghị Tòa xác minh làm rõ.

### 3.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Hoàng Phương D trình bày:

Dung với T1 là bạn cùng xóm cũ, nên hai người cũng có vay mượn với nhau. Cụ thể T1 có hỏi vay tiền của D nhưng D không có nên nói bà L mẹ của D cho T1 vay tiền nên bà L nhờ D chuyển khoản cho T1 vay 270.000.000 đồng, đây là số tiền T1 vay riêng của bà L không liên quan đến 02 món vay của ông H, bà G

mà bà L đang khởi kiện. Chính vì T1 vay của bà L nên mới có tin nhắn chuyển tiền có nội dung “*chuyển cho cô L...*”. Bà G, ông H và T1 khai đã trả nợ cho bà L tổng cộng số là 468.000.000 đồng, gồm T1 chuyển cho con gái bà L tên là D số tiền 403.000.000 đồng bằng 43 lần chuyển khoản và T1 chuyển cho ông Trần Duy X 65.000.000 đồng là không đúng. Cụ thể số tiền 403.000.000 đồng T1 chuyển khoản như sau: Trả gốc 270.000.000 đồng + lãi 73.000.000 đồng = 343.000.000 đồng + tiền nợ 60.000.000 đồng là số tiền T1 vay riêng của D = 403.000.000 đồng (có chứng cứ là đoạn ghi âm T1 mượn số tiền 60.000.000 đồng của D để trả cho ông X). Vì không có chứng cứ để chứng minh số tiền 270.000.000 đồng D chuyển cho T1 là tiền của bà L nhờ D chuyển cho T1 vay nên được xem như T1 vay của D. Nay chị D công nhận T1 trả thay cho ông H, bà G cho L số tiền 50.000.000 đồng ( chuyển khoản ngày 06/11/2022) và 10 lần T1 chuyển khoản có nội dung “*chuyển cho cô L.*” tổng số tiền 10 lần chuyển khoản là 80.000.000 đồng.

*3.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Trần Thiện T1 trình bày:*

Chị T1 là con gái của ông H, bà G, chị T1 cũng thống nhất như lời trình bày của ông H, bà G như trên, riêng việc 02 bên thỏa thuận về mức lãi suất bao nhiêu thì chị T1 không nhớ và chỉ nhớ trả lãi đến ngày 30/3/2023 .

*3.5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy X trình bày:*

Ông X và bà L trước kia là vợ chồng đã ly hôn ngày 24/11/2022, trước khi ly hôn đã mâu thuẫn nên việc làm ăn không liên quan gì đến nhau. Ông H, bà G khai đã trả 65.000.000 đồng cho bà L (bằng hình thức T1 chuyển khoản 05 lần cho ông X) là không đúng vì ông H, bà G vào cuối năm 2022 có vay của ông X 200.000.000 đồng (món nợ này đã trả xong). Cụ thể số tiền trả như sau: trả 175.000.000 đồng bằng tiền mặt và 65.000.000 đồng (T1 chuyển khoản). Chứng cứ là đoạn ghi âm T1 vay tiền của D 60.000.000 đồng để trả nợ cho ông X. Khi trả xong tiền thì giấy vay tiền ông X đưa cho D trả lại cho ông H, bà G.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Phương L.

Buộc ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G phải trả cho bà Hoàng Thị Phương L số tiền nợ gốc là 311.200.000 đồng.

Buộc ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G phải trả cho bà Hoàng Thị Phương L số tiền nợ lãi tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử ngày 29/02/2024 với lãi suất 10%/năm, số tiền nợ lãi là 28.872.444 đồng và phải trả lãi cho đến khi trả nợ xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/3/2024 bị đơn ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Trần Thiện T1 kháng cáo toàn bộ bản án

dân sự số 24/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông bị đơn ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Trần Thiện T1 đề ngày 27/3/2024 trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Duy X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), căn cứ Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông X.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G kháng cáo với nội dung số tiền vay 300.000.000 đồng và số tiền 270.000.000 đồng do chị Trần Hoàng Phương D chuyển vào tài khoản của chị Trịnh Trần Thiện T1 là một khoản tiền vay. Nhận thấy:

Ngày 26/5/2022 âm lịch (tức ngày 24/6/2022 dương lịch), ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G ký hợp đồng vay tài sản; ông H, bà G xác nhận có ký hợp đồng xác nhận số tiền nợ của bà Hoàng Thị P Liên 300.000.000 đồng, hạn 01 tháng sau sẽ trả. Tuy vậy, bị đơn cho rằng mặc dù đã ký hợp đồng nhưng không nhận tiền; việc nhận tiền được thực hiện thông qua việc chuyển khoản từ tài khoản của chị Trần Hoàng Phương D (con bà L) sang cho chị Trịnh Trần Thiện T1 (con bà G, ông H) vào lúc 19 giờ 49 phút ngày 24/6/2022 với số tiền 270.000.000 đồng, đồng thời đây là số tiền bị đơn ký trong giấy vay tiền là vay cho con gái Trịnh Trần Thiện T1 để làm ăn; số tiền 300.000.000 đồng xác nhận trong hợp đồng ngày 26/5/2022 âm lịch (ngày 24/6/2022 dương lịch) và ngày chuyển khoản 24/6/2022 số tiền 270.000.000 đồng là một khoản tiền vay.

Nhận thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì không có căn cứ chứng minh có sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông H, bà G về việc ông H, bà G vay 300.000.000 đồng thông qua việc chị Trần Hoàng Phương D chuyển khoản cho chị Trần Thị Thiện T2 270.000.000 đồng. Mặt khác, lời khai của bị đơn không được nguyên thừa nhận và có đầy đủ căn cứ chứng minh khoản vay giữa ông H, bà G vay của bà L 300.000.000 đồng thể hiện bởi Giấy mượn tiền 26/5/2022 âm lịch và khoản vay của chị T2 vay của bà L 270.000.000 đồng thông qua việc chị Trần Hoàng Phương D chuyển khoản cho chị Trịnh Trần Thiện T1 ngày 24/6/2022. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn về nội dung này không được chấp nhận.

[2.2] Bị đơn ông H, bà G kháng cáo có nội dung vào ngày 05/7/2022 ông bà viết giấy vay tiền của ông Trần Duy X (chồng cũ bà L, cha đẻ chị D) 200.000.000 đồng và nhận tiền mặt của ông X 180.000.000 đồng nhưng khoản tiền này đã được ông H, bà L xác nhận lại bằng Giấy vay tiền ngày 05/11/2022 cho nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương L với số tiền 180.000.000 đồng. Thực tế, đây là khoản tiền nợ chuyển từ ông Trần Duy X sang cho bà Hoàng Thị Phương L.

Nhận thấy, chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 05/7/2022, ông H, bà G có vay của ông Trần Duy X 200.000.000 đồng, việc vay tiền được bị đơn và ông X thừa nhận. Trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm ông X khai rằng đây là khoản vay giữa ông X và vợ chồng ông H, bà G, không liên quan đến bà L; khoản tiền này đã được bị đơn trả nợ xong cho ông X. Như vậy, tuy bị đơn khai rằng khoản vay của bà L 180.000.000 đồng và khoản vay của ông Trần Duy X 200.000.000 đồng được các bên thỏa thuận chuyển thành một khoản nợ nhưng bị đơn không chứng minh được có sự thỏa thuận đã chuyển khoản nợ này từ ông X sang cho bà L. Hơn nữa, chứng cứ có tại hồ sơ còn thể hiện việc chị T1 chuyển khoản trả nợ cho ông Trần Duy X tổng cộng 65.000.000 đồng được thực hiện ngày vào ngày 05/8/2022, ngày 05/9/2022, ngày 05/10/2022, ngày 08/10/2022 và ngày 11/10/2022 trong khi đó chứng cứ do bà L cung cấp thể hiện ngày 05/11/2022 ông H, bà G ký giấy vay tiền, xác nhận có vay của bà L 180.000.000 đồng.

[3] Các chứng cứ nêu trên cho thấy vào ngày 26/5/2022 âm lịch (tức ngày 24/6/2022 dương lịch), ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G vay bà Hoàng Thị P Liên 300.000.000 đồng. Cũng trong ngày 24/6/2022 chị Trịnh Trần Thiện T1 vay bà Hoàng Thị P Liên 270.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản từ tài khoản chị Trần Hoàng Phương D đến tài khoản chị Trịnh Trần Thiện T1. Và đến ngày 05/11/2022 ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G tiếp tục vay bà Hoàng Thị P Liên 180.000.000 đồng. Do các bên đương sự không xác định được rõ khoản nợ nào bị đơn ông H, bà G trả nợ cho bà L và khoản nợ nào chị T1 trả cho bà L, đồng thời giữa chị T1 và chị D có rất nhiều tin nhắn thông qua ứng dụng Zalo nhưng cũng không xác định được cụ thể riêng biệt các khoản nợ đã trả, vì vậy, cần tổng cộng 03 khoản là 750.000.000 đồng, trong khi chị T1 đã chuyển khoản trả cho bà Liên thông q số tài khoản của chị D 403.00.000 đồng (không tính 65.000.000 đồng chuyển khoản trả ông X). Như vậy số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên

đơn 750.000.000 đồng- 403.00.000 đồng (bao gồm 270.000.00 đồng chuyển khoản từ tài khoản của chị T1 sang cho chị D) = 347.000.000đồng. Thế nhưng, trong quá trình tham gia tố tụng, bà L đồng ý số tiền mà ông H, bà L còn nợ lại là 311.200.000 đồng. Nhận thấy, đây là sự tự nguyện định đoạt về tài sản của đương sự, số tiền này ít hơn số tiền còn phải trả, theo hướng có lợi cho bị đơn và phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Các bên đương sự đều công nhận đã trả lãi đến 30/3/2023, nhưng không thỏa thuận được với nhau về mức lãi suất, vì vậy, trong trường hợp này được coi là có tranh chấp về lãi theo quy định khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau 311.200.000 đồng x 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2023 đến 29/2/2024 = 28.872.444 đồng.

[5] Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G và kháng cáo của chị Trịnh Trần Thiện T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Phương L.

Buộc ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G1 trả cho bà Hoàng Thị Phương L số tiền nợ gốc là 311.200.000 đồng.

Buộc ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G1 trả cho bà Hoàng Thị Phương L số tiền nợ lãi tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử ngày 29/02/2024 với lãi suất 10%/năm, số tiền nợ lãi là 28.872.444 đồng và phải trả lãi cho đến khi trả nợ xong.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G phải chịu 17.003.622 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị Phương L được trả lại 12.396.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000404 ngày 06 tháng 6 năm 2023 và biên lai lai thu tiền số 0001175 ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001478 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Chị Trịnh Trần Thiện T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001477 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Anh Tuấn**